

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 05 - 4 - 2024  
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Thọ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Hồng Hải;
2. Ông Nguyễn Công Tài.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Trần Thị Ngọc Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị M T, sinh năm 1986; *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn T P, sinh năm 1986; *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: thôn Phương Nghệ, xã Q P, huyện Q S, tỉnh Q N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2023, bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị M T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn T P tự nguyện tìm hiểu đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện C L, tỉnh T V vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T P thường xuyên chơi cờ bạc, không lo làm ăn để lo cho gia đình, anh T P còn đánh đập chị. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T P.

Về con chung: chị và anh T P có 02 con chung là Nguyễn Phương V K, sinh ngày 10/8/2009 và Nguyễn Phương T K, sinh ngày 10/5/2020. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cháu T K và giao cháu V K cho anh T P nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có trình bày gì thêm.

*Theo bản tự khai và tại các phiên hòa giải, bị đơn anh Nguyễn T P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất với phần trình bày của chị M T về thời gian và điều kiện kết hôn. Chị M T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý. Vì vợ chồng tuy có những mâu thuẫn nhưng anh có thể sửa chữa khắc phục được, vợ chồng vẫn còn tình cảm nên anh mong muốn đoàn tụ.

Về con chung: anh và chị M T có 02 con chung là Nguyễn Phương V K, sinh ngày 10/8/2009 và Nguyễn Phương T K, sinh ngày 10/5/2020. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và trách nhiệm nuôi con của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị M T có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Nguyễn T P cư trú tại thôn Phương Nghệ, xã Q P, huyện Q S, tỉnh Q N. Chị M T khởi kiện xin ly hôn với anh T P và yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị M T và anh Nguyễn T P tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện C L, tỉnh T V cấp

Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 02 tháng 02 năm 2009. Chị M T cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T P thường xuyên chơi cờ bạc, không lo làm ăn để lo cho gia đình và anh T P còn đánh đập chị; đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Anh T P cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh có thể sửa chữa, khắc phục được, tình cảm vợ chồng vẫn còn và anh vẫn mong muốn đoàn tụ gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần và tại phiên tòa chị M T vẫn kiên quyết ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: chị M T và anh T P có 02 con chung là Nguyễn Phương V K, sinh ngày 10/8/2009 và Nguyễn Phương T K, sinh ngày 10/5/2020. Khi ly hôn, chị M T có nguyện vọng nuôi cháu T K và giao cháu V K cho anh T P nuôi dưỡng; anh T P có nguyện vọng được nuôi 02 cháu. Tại Biên bản xác minh ngày 28/02/2024, Ủy ban nhân dân xã Quê Phú cung cấp: chị M T và anh T P đều đảm bảo điều kiện nuôi con. Tại bản tự khai ngày 06/3/2024, cháu V K có nguyện vọng ở với ba. Bên cạnh đó, cháu T K là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của các con nên giao cháu V K cho anh T P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và giao cháu T K cho chị M T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6]. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị M T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn

nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M T và anh Nguyễn T P.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Phương V K, sinh ngày 10/8/2009 cho anh Nguyễn T P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và giao cháu Nguyễn Phương T K, sinh ngày 10/5/2020 cho chị Nguyễn Thị M T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M T, anh T P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Nguyễn Thị M T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010292 ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/4/2024).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Tân An, huyện C L, tỉnh T V (Giấy CNKH số 14 ngày 02/02/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thọ**